

20/05/2026



TIÊU ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

TÓM TẮT

- ❖ Số liệu chính thức về tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 4/2026 duy trì tăng trưởng tích cực, trong đó tốc độ tăng trưởng của tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tổng xuất khẩu, tổng nhập khẩu lần lượt là: 29,2%, 22,8% và 35,7%YoY. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là cán cân thương mại bất ngờ âm liên tục trong 5 tháng gần nhất, điều hiếm khi xảy ra.
- ❖ Các mặt hàng liên quan đến dầu mỏ đều tăng trưởng mạnh về xuất nhập khẩu trong tháng 4, trong bối cảnh khủng hoảng ở “rổn dầu” Trung Đông, trong đó **phân bón** là mặt hàng xuất khẩu tăng trưởng mạnh nhất với **+234,8%YoY**, tiếp đến là **dầu thô (+158,9%)** và **Chất dẻo nguyên liệu (112%)**.
- ❖ Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu chính, trong khi Trung Quốc là nguồn nhập khẩu chủ yếu.



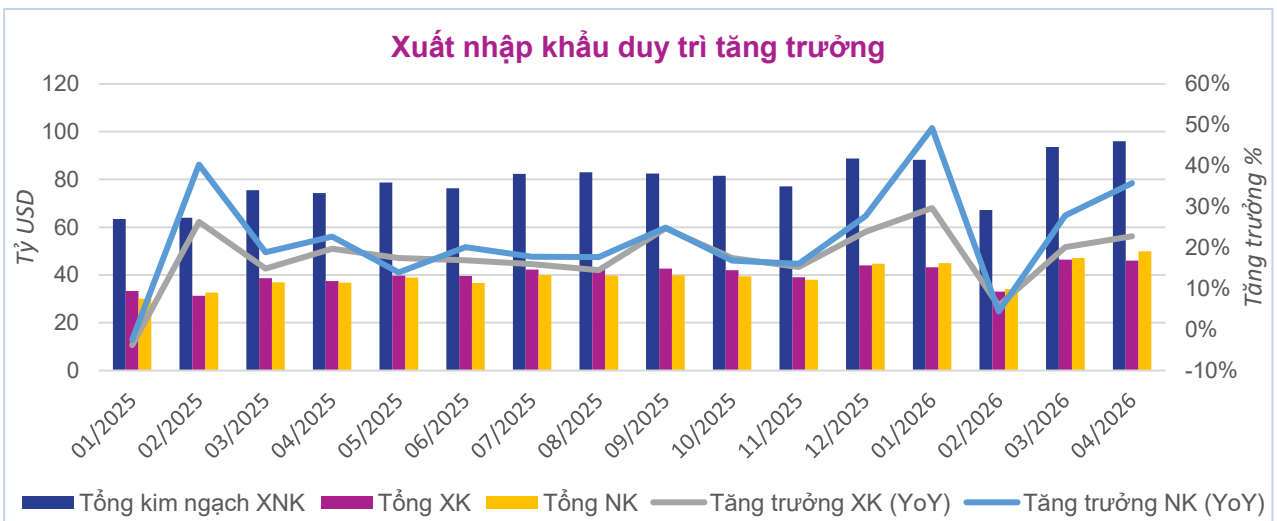
TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU

1. Số liệu từ Tổng cục Hải quan tăng trưởng mạnh nhưng cán cân thương mại âm

Số liệu chính thức về xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan vừa công bố cho thấy trong tháng 4: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 95,97 tỷ USD (+29.21% so với cùng kỳ), trong đó Tổng xuất khẩu đạt 45,99 tỷ USD (+22,81%YoY) và Tổng nhập khẩu đạt 49,98 tỷ USD (+35,74%YoY). Cả hai con số tăng trưởng mới nhất này của xuất khẩu và nhập khẩu đều cao hơn so với ước tính công bố ở đầu tháng 5 trong báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 4 của Cục Thống kê-Bộ Tài chính với mức tăng trưởng lần lượt là 21,6% và 32,5% YoY.

Tuy vậy, điểm đáng lưu ý là cán cân thương mại bất ngờ âm liên tục trong 5 tháng gần nhất, từ tháng 12/2025 đến nay, điều hiếm khi xảy ra. Qua đó, tính chung 4 tháng đầu năm 2026, cán cân thương mại đang -7,65 tỷ USD.

Cán cân thương mại (Tỷ USD)	10/2025	11/2025	12/2025	01/2026	02/2026	03/2026	04/2026
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	81.49	77.09	88.74	88.16	67.19	93.55	95.97
Tăng trưởng YoY	17.16%	15.64%	25.76%	38.96%	5.11%	23.88%	29.21%
Cán cân thương mại	2.60	1.13	-0.64	-1.78	-1.01	-0.68	-3.99
Tăng trưởng YoY	28.34%	-6.00%	-212.49%	-156.33%	27.83%	-137.46%	-741.76%
Cán cân thương mại kv vốn nước ngoài	5.20	4.11	4.10	1.57	1.94	3.76	0.94
Tăng trưởng YoY	19.76%	15.34%	11.12%	-63.67%	4.86%	-15.31%	-70.81%
Cán cân thương mại của kv trong nước	-2.59	-2.98	-4.74	-3.36	-2.96	-4.44	-4.93
Tăng trưởng YoY	-12.23%	-26.19%	-51.61%	-188.80%	9.22%	-68.53%	-90.48%
Tổng Xuất khẩu	42.05	39.11	44.05	43.19	33.09	46.44	45.99
Tăng trưởng YoY	17.48%	15.26%	23.87%	29.67%	5.84%	20.11%	22.81%
Xuất khẩu của DN FDI	33.26	30.75	34.21	33.64	26.49	37.43	36.15
Tăng trưởng YoY	31.41%	28.87%	38.60%	42.83%	17.01%	36.94%	41.01%
Tổng Nhập Khẩu	39.45	37.98	44.69	44.97	34.10	47.11	49.98
Tăng trưởng YoY	16.83%	16.04%	27.69%	49.22%	4.40%	27.83%	35.73%
Nhập khẩu của DN FDI	28.06	26.64	30.11	32.06	24.55	33.67	35.21
Tăng trưởng YoY	33.82%	31.24%	43.43%	66.83%	18.09%	47.08%	57.02%



2. Xuất khẩu phân bón tăng trưởng mạnh nhất trong tháng 4

Xét về từng mặt hàng cụ thể:

Về giá trị, các doanh nghiệp FDI vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cả xuất khẩu và nhập khẩu, lần lượt chiếm 78,6% và 70,5% trong tháng 4. Cùng với đó, nhóm mặt hàng liên quan đến máy vi tính, điện tử, điện thoại, thiết bị, máy móc... luôn dẫn đầu cả về xuất và nhập khẩu của nước ta trong nhiều năm qua (chiếm tỷ trọng gần một nửa trong tổng xuất nhập khẩu trong tháng 4), tiếp đến là nhóm mặt hàng liên quan đến dệt may, dày dép (chiếm tỷ trọng 11,5% tổng xuất khẩu). Tính chung 4 tháng đầu năm, 4 mặt hàng xuất khẩu đạt giá trị trên 10 tỷ USD lần lượt là: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; Điện thoại các loại và linh kiện; Hàng dệt, may.

Top giá trị xuất khẩu tháng 04/2026						
Đơn vị: Tỷ USD	11-2025	12-2025	01-2026	02-2026	03-2026	04-2026
Xuất khẩu của DN FDI	30.8	34.2	33.6	26.5	37.4	36.1
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	9.6	10.7	9.6	8.1	13.0	12.0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	4.9	5.6	5.4	3.8	5.7	5.9
Điện thoại các loại và linh kiện	4.0	4.1	5.7	5.5	5.6	4.6
Hàng dệt, may	3.0	3.7	3.3	2.4	3.2	3.1
Giày dép các loại	2.1	2.2	2.0	1.4	2.0	2.2

Về tốc độ tăng trưởng, có 3 mặt hàng xuất khẩu trong tháng 4 có mức tăng trên 100% so với cùng kỳ lần lượt là: Phân bón các loại (+235%); Dầu thô (+159%) và Chất dẻo nguyên liệu (112%). Trong khi đó, top 4 mặt hàng nhập khẩu trong tháng 4 có mức tăng trưởng cao nhất đó là: Sản phẩm khác từ dầu mỏ (bao gồm các sản phẩm như hoá dầu, chất dẻo, dầu nhờn... tăng 304%); Đá quý, kim loại quý và sản phẩm (+291%); Xăng dầu các loại (+122%); Đậu tương (+85%). Như vậy có thể thấy trong bối cảnh khủng hoảng ở “rón dầu” Trung Đông, các mặt hàng liên quan đến dầu mỏ đều tăng trưởng mạnh về xuất nhập khẩu trong tháng 4.

Top các mặt hàng xuất khẩu có tăng trưởng cao trong tháng 04/2026						
Xuất khẩu theo mặt hàng (%YoY)	11-2025	12-2025	01-2026	02-2026	03-2026	04-2026
Phân bón các loại	-17.78%	-19.22%	66.80%	15.67%	89.84%	234.81%
Dầu thô	40.12%	15.73%	-67.00%	39.71%	-55.67%	158.92%
Chất dẻo nguyên liệu	9.17%	14.97%	37.65%	-14.93%	35.18%	112.20%
Sắn	-39.59%	48.40%	269.89%	7.90%	32.33%	58.18%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	44.22%	55.01%	111.69%	18.29%	51.14%	51.28%
Đá quý, kim loại quý và sp	2.62%	8.88%	48.01%	-2.63%	8.10%	50.28%
Than đá	75.28%	48.63%	92.38%	26.18%	252.95%	48.44%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	53.31%	46.66%	57.61%	24.96%	51.92%	47.71%
Xăng dầu các loại	-47.57%	-41.03%	-68.18%	-55.11%	-92.26%	47.39%
Xuất khẩu của DN FDI	28.87%	38.60%	42.83%	17.01%	36.94%	41.01%
Hóa chất	-17.20%	10.80%	16.91%	1.25%	20.79%	35.14%

TIÊU ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Top các mặt hàng nhập khẩu có tăng trưởng cao trong tháng 04/2026

Nhập khẩu theo mặt hàng (% YoY)	11-2025	12-2025	01-2026	02-2026	03-2026	04-2026
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	61.54%	14.11%	51.83%	84.68%	10.96%	303.92%
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	101.44%	67.35%	480.05%	410.54%	218.12%	291.21%
Xăng dầu các loại	-15.41%	-14.38%	23.00%	40.83%	165.69%	122.20%
Đậu tương	17.81%	5.11%	80.25%	68.03%	54.75%	85.48%
Máy vi tính, sp điện tử và linh kiện	39.42%	53.02%	70.67%	25.36%	54.11%	66.97%
Khí đốt hóa lỏng	-2.35%	102.31%	-18.35%	174.29%	16.17%	58.06%
Xe máy và linh kiện phụ tùng	22.38%	20.87%	57.82%	7.31%	20.93%	47.57%
Kim loại thường khác	20.78%	26.06%	56.37%	-8.11%	32.05%	40.20%
Linh kiện, phụ tùng ô tô	19.94%	46.49%	79.85%	15.91%	44.75%	39.80%
Hóa chất	-0.39%	14.84%	34.77%	-13.48%	32.99%	39.51%

2. Mỹ và Trung Quốc vẫn là hai đối tác chủ lực về xuất nhập khẩu

Trong đó, Mỹ vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta trong nhiều năm qua, và trong tháng 4/2026, giá trị xuất khẩu sang Mỹ đạt hơn 15 tỷ USD, chiếm tỷ trọng gần 33% tổng xuất khẩu. Các thị trường xuất khẩu tiếp theo lần lượt là: Châu Âu (6,45 tỷ USD); Trung Quốc (6,15 tỷ USD); Hàn Quốc (2,57 tỷ USD); Nhật Bản (2,45 tỷ USD); Hồng Kông; Hà Lan; Thái Lan.

Xuất khẩu theo quốc gia (Tỷ USD)

Thị trường	11-2025	12-2025	01-2026	02-2026	03-2026	04-2026
Mỹ	12.45	14.40	13.90	9.94	15.19	15.08
Châu Âu	5.52	5.84	6.46	4.87	6.48	6.45
Trung Quốc	6.19	7.20	6.32	4.70	5.82	6.15
Hàn Quốc	2.26	2.71	2.66	2.46	3.02	2.57
Nhật Bản	2.34	2.35	2.53	1.92	2.63	2.45
Hồng Kông	1.38	1.83	1.35	1.09	2.49	1.86
Hà Lan	1.17	1.27	1.32	0.92	1.45	1.42
Thái Lan	0.89	0.80	0.82	0.79	1.06	1.09

Về nhập khẩu, Trung Quốc vẫn luôn đứng đầu về giá trị hàng hoá nhập khẩu của nước ta, với giá trị 20,21 tỷ USD trong tháng 4 (chiếm tỷ trọng hơn 40% tổng nhập khẩu), tiếp đến là các thị trường Hàn Quốc (7,5 tỷ USD), Đài Loan (3,9 tỷ USD), Nhật Bản (2,3 tỷ USD)...

Nhập khẩu theo quốc gia (Tỷ USD)

Thị trường	11-2025	12-2025	01-2026	02-2026	03-2026	04-2026
Trung Quốc	16.49	18.26	19.05	12.72	18.21	20.21
Hàn Quốc	5.03	6.08	6.09	5.53	7.07	7.53
Đài Loan	2.76	3.12	3.61	2.62	3.83	3.92
Nhật Bản	1.96	2.25	2.34	1.87	2.43	2.33
Châu Âu	1.78	2.42	1.97	1.57	2.17	2.26
Mỹ	1.77	2.27	1.89	1.46	1.77	1.89

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.